

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 02-5-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 491/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: C, khu phố Z, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim Hồng, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Trường T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà H, bà Hồng, ông T vắng mặt; Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà H nhiều lần cho bà Lê Thị Kim H1 vay tiền, cụ thể:

- Vào ngày 13/02/2018 âm lịch, bà H có cho và bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn 02 tháng, tức đến ngày 13/5/2018 âm lịch bà H1 phải có nghĩa vụ trả lại tiền gốc cho bà H.

-Vào ngày 06/4/2021 âm lịch, bà H cho bà H1 vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn 02 tháng, tức đến ngày 06/6/2021 âm lịch bà H1 phải có nghĩa vụ trả lại tiền gốc cho bà H.

Bà H1 cho rằng vay tiền để phát triển kinh tế gia đình có viết giấy nợ, ghi số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả tiền và ký tên. Đối với khoản vay ngày 13/02/2018 âm lịch, bà H1 có đóng lãi cho bà được một vài tháng theo lãi suất 1%/tháng (cụ thể mấy tháng, số tiền lãi là bao nhiêu thì bà không nhớ rõ), bà H1 nói khi nào trả gốc sẽ trả đủ lãi, còn khoản vay ngày 06/4/2021 âm lịch, bà H1 không đóng lãi tháng nào.

Bà nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H1 không trả. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trước đây bà khởi kiện yêu cầu ông T liên đới trách nhiệm cùng bà H1 trả số tiền này nhưng nay bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T vì không có chứng cứ chứng minh ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Bà xác định chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà H1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền đã vay là 400.000.000 đồng.

Bị đơn bà H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Ông bà cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả tiền vay còn nợ. Bị đơn bà H1 cư trú tại xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hồng, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H cung cấp là:

- Bản chính giấy mượn tiền ngày 13/02/2018 âm lịch thể hiện bà H1 có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 02 tháng, từ ngày 13/02/2018 âm lịch đến ngày 13/5/2018 âm lịch.

- Bản chính giấy mượn tiền ngày 06/4/2021 thể hiện bà H1 có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, tức đến hết ngày 06/5/2021 âm lịch.

Hết thời gian thỏa thuận trong 02 giấy mượn tiền nhưng bà H không thực nghĩa vụ trả nợ mặc dù bà H đã nhiều lần liên hệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là “giấy mượn tiền ngày 13/02/2018 âm lịch”, và “giấy mượn tiền ngày 06/4/2021” cho bà H và ông T nhưng ông bà đều vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn”. Các khoản nợ vay nêu trên đến nay đã quá thời hạn trả. Do đó việc bà H khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay gốc còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023, bà H cho rằng ông Võ Trường T là chồng bà H, bà H vay số tiền 400.000.000 đồng để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông T có liên quan đến việc vay nợ và mục đích sử dụng số tiền vay này nên bà H rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T liên đới trách nhiệm cùng bà H trả số tiền 400.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà H.

Bà H cho rằng bà H chỉ đóng lãi của khoản vay ngày 13/02/2018 âm lịch được một vài tháng theo lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Lãi suất các bên thỏa thuận không vượt mức quy định, các bên không tranh chấp gì về số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ghi nhận bà H không yêu cầu bà H trả lãi theo thỏa thuận đối với khoản vay trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà H phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H. Buộc bà Lê Thị Kim H có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu ông Võ Trường T có trách nhiệm liên đới cùng bà Lê Thị Kim H trả số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị Kim H1 có trách nhiệm nộp là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan